

Số 1957

An Lạc Tịnh Độ Nghĩa

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh *Chư Tôn Bộ 4 Quyển 47 - Số 1957*

Tuyển Tập: Pháp Sư Đàm Loan

Soạn dịch: Sa môn Thích Hồng Nhơn

Pháp Sư Đàm Loan là một pháp sư thông hiểu giáo lý đã từng chú thích kinh Đại Tập, sau vì bệnh duyên mà thôi tâm tìm học tiên thuật được truyền 10 quyển kinh tiên. Sau khi về đến Lạc Dương gặp Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi, Ngài hỏi: "Trong Phật giáo có phương pháp trường sanh bất tử hơn kinh tiên này chăng?" Tam Tạng Pháp sư đáp: "Xứ này làm gì có trường sanh bất tử! Tu tiên dù được sống lâu, nhưng rồi cũng phải luân hồi, đâu đủ quý báu! Về trường sanh bất tử chỉ trong Phật pháp ta mới có mà thôi!" Pháp sư trao cho ngài Quyển Quán Kinh mà bảo rằng: "Tu học theo đây thời không còn sanh vào chốn sanh tử luân hồi nữa. Tất cả sự họa phước thịnh suy đều không chi phối được. Luận về sự sống lâu hằng hà sa số kiếp cũng không sánh kịp. Đây là pháp trường sanh rốt ráo của nhà Phật ta đây!". Ngài Đàm Loan mừng lắm, bèn đốt kinh tiên mà chuyên tu tịnh nghiệp.

Pháp sư Đàm Loan chỉ một lời khai thị liền đốt kinh tiên, chuyên niệm Phật là do chánh trí mà đạt thành. Lúc lâm chung biết trước giờ viên tịch, khi viên tịch mọi người trong chùa đều thấy tràng phan bảo cái từ hướng tây đến tiếp nghinh là chứng nghiệm thụy ứng vãng sanh chắc được lên thượng phẩm. Trong các tác phẩm còn lưu lại thì lược luận An lạc Tịnh độ nghĩa là tác phẩm nói về tu Tịnh độ tuy lời ít mà nghĩa nhiều, tuy lời rất yếu mà chính là vô thượng tâm yếu. Chúng tôi chân thành gửi đến quý vị phương pháp trường sanh bất tử rốt ráo này.

Hồng Nhơn cẩn bút.

An Lạc Tịnh Độ Nghĩa Luận

Hỏi: Cõi An lạc ở trong tam giới thuộc về giới nào?

Đáp: Trong Thích Luận nói: "Cõi Tịnh độ Cực lạc không thuộc về tam giới. Vì sao? Vì cõi Cực lạc không có tham dục nên không phải là dục giới. Nhân dân ở trên đất nên không phải là sắc giới. Có hình sắc nên không phải là vô sắc giới. Trong kinh nói: "Đức Phật A Di Đà khi thực hành Bồ tát đạo, làm Tỳ kheo tên là Pháp Tạng. Ở vào thời Phật Thế TỰ Tại Vương, Ngài xin Đức Phật Thế TỰ Tại

Vương nói và hiện Tịnh độ chư Phật trong mười phương, khi ấy Đức Phật vì Ngài mà nói và hiện hai trăm mười ức Tịnh độ của chư Phật, trời người thiện ác, quốc độ tinh và thô đều được hiện ra. Lúc ấy Bồ tát Pháp Tạng ở trước Phật phát nguyện rộng lớn trang nghiêm tịnh độ. Trải qua vô lượng A Tăng Kỳ kiếp, theo lời phát nguyện, thực hành các pháp Ba La Mật, vạn thiện viên mãn, thành đạo vô thượng. Do biệt nghiệp tu hành mà được, không thuộc vào tam giới.

Hỏi: Cõi An lạc có bao nhiêu thứ trang nghiêm mà được gọi là Tịnh Độ?

Đáp: Nếu y theo kinh giải nghĩa thì trong 48 đại nguyện của Bồ tát Pháp Tạng có đầy đủ tất cả các thứ trang nghiêm ở đây không kể hết. Nếu y theo Luận Vô Lượng Thọ lấy 2 thứ thanh tịnh thu nhiếp hết 29 thứ trang nghiêm thành tựu. Hai thứ thanh tịnh là thể gian thanh tịnh và khí thể gian thanh tịnh. Khí thể gian thanh tịnh gồm có 17 thứ: 1-. Tướng quốc độ vượt qua ba cõi. 2-. Nước ấy rộng lớn lượng như hư không, không có bờ mé. 3-. Từ chánh đạo của Bồ tát dùng lòng Đại bi xuất thế thiện căn mà khởi ra. 4-. Ánh sáng thanh tịnh trang nghiêm viên mãn. 5-. Đầy đủ tánh trân bửu đệ nhất, xuất sanh bảo vật kỳ diệu. 6-. Ánh sáng trong sạch thường chiếu thế gian. 7-. Bảo vật cõi ấy mềm mại, chạm vào êm ái sanh nhiều điều vui thù thắng. 8-. Ngàn muôn hoa báu, trang nghiêm ao hồ, điện báu, lầu báu, các thứ cây báu, ánh sáng nhiều màu chiếu khắp thế giới, vô lượng lưới báu bao trùm hư không, bốn phía treo linh reo thường pháp âm. 9-. Ở trong không trung thường rưới hoa trời, y trời, hương thơm trang nghiêm cùng khắp. 10-. Ánh sáng của Phật chiếu trừ hết si ám. 11-. Tiếng Phạm khai ngộ nghe khắp mười phương. 12-. Phật A Di Đà là Pháp vương vô thượng dùng thiện lực để trụ trì. 13-. Từ tịnh hoa của Như Lai mà hóa sanh ra. 14-. Ưa thích pháp vị của Phật dùng thiền tam muội làm thức ăn. 15-. Vĩnh viễn xa lìa các khổ thân tâm, nhận điều vui không cùng. 16-. Cho đến không nghe tên những hàng Nhị thừa, nữ nhơn và căn thiếu. 17-. Chúng sanh nếu có chỗ ưa muốn gì tùy theo lòng mình được vừa ý, đều được đầy đủ. Mười bảy thứ này thành tựu gọi là Khí thể gian thanh tịnh.

Chúng sanh thể gian thanh tịnh gồm 12 thứ trang nghiêm thành tựu. 1-. Vô lượng Đại trân bửu, hoa đài vi diệu làm tòa cho Phật. 2-. Vô lượng tướng hảo, vô lượng ánh sáng trang nghiêm thân Phật. 3-. Phật có vô lượng biện tài, ứng cơ nói pháp, đầy đủ rõ ràng, làm cho người ưa nghe, nghe rồi liền hiểu rõ, không có nói dối. 4-. Trí huệ chơn như của Phật cũng như hư không, chiếu rõ tổng tướng và biệt tướng các pháp, tâm không phân biệt. 5-. Trời người chẳng động rộng lớn trang nghiêm, như núi Tu Di, chiếu khắp bốn biển lớn, đầy đủ tướng pháp vương. 6-. Thành tựu quả vô thượng còn không kịp, hưởng lại bị lỗi lầm. 7-. Vì trời người mà làm điều ngự sự, đại chúng cung kính vì nhiều như vua sư tử các sư tử đều vây quanh. 8-. Bản nguyện lực của Phật là trang nghiêm, trụ trì các công đức, người

gặp khởi hưởng uổng, có thể làm cho mau đầy đủ tất cả bề công đức, chưa chứng Bồ tát tịnh tâm cứu kính được chứng bình đẳng pháp thân, cùng Bồ tát tịnh tâm và Bồ tát địa thượng cứu kính đồng được tịch diệt bình đẳng. 9-. Các chúng Bồ tát ở cõi An lạc, thân chẳng lay động mà đến khắp mười phương, các thứ ứng và hóa như thật tu hành, thường làm Phật sự. 10-. Các ứng hóa thân của Bồ tát như thế, tất cả thời gian, không trước không sau, một tâm một niệm đều phóng ánh sáng lớn, đều đến khắp mười phương thế giới. Giáo hóa chúng sanh các thứ phương tiện tu hành, diệt trừ tất cả khổ não cho tất cả chúng sanh. 11-. Chư Bồ tát này ở tất cả thế giới, thường tham dự Đại hội của chư Phật, thường cúng dường cung kính tán thán công đức của chư Phật, Như Lai rộng lớn không cùng. 12-. Chư Bồ tát này ở tất cả thế giới trong 10 phương, chỗ không có Tam bảo, các Ngài trụ trì trang nghiêm bề công đức Phật Pháp Tăng bảo, khắp chỉ bày làm cho chúng sanh đúng pháp tu hành. Thành tựu trang nghiêm công đức tám thứ của Pháp vương và thành tựu 4 thứ trang nghiêm công đức của Bồ Tát như thế gọi là chúng sanh thế gian thanh tịnh. Cõi An lạc có đủ 29 thứ trang nghiêm công đức thành tựu, nên gọi là Tịnh độ.

Hỏi: Sanh về cõi An lạc có mấy hạng và có bao nhiêu nhân duyên?

Đáp: Trong Kinh Vô Lượng Thọ chỉ có 3 hạng Thượng, Trung, Hạ còn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ một phẩm chia làm Thượng, Trung, Hạ thành ra chín phẩm. Ở đây y theo Kinh Vô Lượng Thọ để phân giải. Hạng sanh về bậc thượng có năm nhân duyên. 1-. Ly dục xuất gia hành Sa môn. 2-. Phát vô thượng Bồ Đề tâm. 3-. Một lòng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật. 4-. Tu các công đức. 5-. Nguyên sanh về cõi An lạc. Người thực hành đủ năm như nhân duyên này, khi sắp lâm chung, Phật Vô Lượng Thọ cùng các Thánh Chúng hiện trước mặt người ấy, liền theo Phật vãng sanh về cõi An lạc, ở trong ao thất bảo, tự nhiên hóa sanh, trụ vị bất thối chuyển, trí huệ dững mãnh, thần thông tự tại. Hạng Trung sanh gồm có 7 nhân duyên: 1-. Phát khởi tâm Vô thượng Bồ đề. 2-. Nhất hướng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ. 3-. Tu Thiện nhiều hoặc ít, vâng giữ trai giới. 4-. Khởi lập tháp tượng. 5-. Cúng đồ ăn uống cho các bậc Sa môn. 6-. Treo tràng phang, đốt đèn, tán hoa, đốt hương. 7-. Hồi hướng nguyện sanh về cõi An lạc. Khi sắp lâm chung, Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện thân Phật, ánh sáng tướng tốt cũng như Phật thiết, cùng với Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy, người ấy liền theo hóa Phật vãng sanh về cõi An lạc, trụ vị chẳng thối chuyển, công đức trí huệ giống như bậc Thượng. Hạng Hạ sanh gồm có 3 nhân duyên: 1-. Giả sử không làm được các công đức nhưng cần phải phát tâm Vô thượng Bồ đề. 2-. Một lòng chuyên ý cho đến 10 niệm, niệm Phật Vô Lượng Thọ. 3-. Dùng tâm chí thành nguyện sanh về cõi An lạc. Khi sắp lâm chung, mơ thấy Phật Vô Lượng Thọ cũng được vãng sanh, công đức trí huệ giống như bậc Trung.

Lại có một hạng vãng sanh về cõi An lạc không nhập vào ba hạng kể trên vì các hạng này trong lòng nghi hoặc, tu các công đức nguyện sanh về cõi An lạc, không hiểu trí Phật, trí không thể nghĩ bàn, trí không gì xứng, trí Đại thừa rộng lớn, trí thù thắng tối thượng không thể so sánh, ở trong các trí này nghi hoặc không tin. Nhưng vẫn tin có tội phước, tu tập gốc lành sanh về cung điện bảy báu ở cõi An lạc, hoặc trăm do tuần hoặc 500 do tuần, đều ở trong ấy hưởng các thứ vui như cõi trời Đao Lợi vui sướng tự nhiên. Nhưng ở trong 500 năm thường không gặp Phật không nghe kinh pháp, không thấy Bồ tát và Thánh chúng Thanh văn. Cõi An lạc ở đây là Biên địa, cũng gọi là thai thành. Sở dĩ ở đây gọi là biên địa là vì 500 năm không thấy nghe Tam Bảo nghĩa đồng với cái nạn ở biên địa, tuy cũng ở trong quốc độ An lạc nhưng ở ngoài bìa cạnh của quốc độ. Thai sanh là thí dụ như người mới sanh, lúc còn nhỏ người và pháp chưa thành. Biên địa là chỉ cái nạn không gặp Tam Bảo, Thai sanh là chỉ cho sự tối tăm lần lần khai mở như kẻ mới sanh lần lần hiểu biết và thành người. Hai danh xưng này đều là mượn để chỉ tánh cách chứ không phải là thứ biên địa, một nạn trong 8 nạn, cũng chẳng phải là bào thai trong thai sanh. Vì sao biết được? Vì cõi An lạc toàn là hóa sanh, nên không có thật thai sanh, sau 500 năm lại được thấy Tam Bảo, nên biết không phải là nạn biên địa trong tám nạn.

Hỏi: Hàng thai sanh ở trong cung điện bảy báu thọ nhận những khoái lạc hay còn nhớ nghĩ điều gì?

Đáp: Trong kinh có thí dụ: "Con của một vị chuyển luân thánh vương đắc tội với nhà vua, bị giữ ở hậu cung, không cho ra ngoài, nhưng tất cả vật thực đều không thiếu giống như nhà vua. Vị Thái tử lúc ấy tuy có đủ thứ trò chơi, âm nhạc, nhưng lòng không vui, chỉ muốn tìm cách ra khỏi. Những vị thai sanh cũng như thế, tuy ở cung điện bảy báu, có đủ các thứ hương vị xúc nhưng không cho đó làm vui. Chỉ không thấy Tam Bảo, không được cúng dường tu các pháp lành lấy đó làm khổ. Biết tội lỗi đã tạo của mình, thường tự trách ăn năn, mong được rời nơi ấy, liền được như ý, đồng với hàng cửu phẩm. Thời gian tối đa là 500 năm, cuối cùng rời cũng được biết tội dự vào cửu phẩm.

Hỏi: Vì tâm nghi hoặc vãng sanh về cõi An lạc gọi là thai sanh. Vì sao khởi nghi?

Đáp: Trong Kinh chỉ nói nghi hoặc không tin, không ngoài ý nghi, suy tìm thì không ngoài nghi năm trí. Nói rõ ra thì vì không hiểu trí Phật nên khởi nghi. Không hiểu trí Phật là gốc nghi từ đó sanh thêm bốn thứ nghi nữa.

1. Hành giả nghi rằng: Nhớ niệm Phật A Di Đà, không chắc được vãng sanh về An lạc. Vì sao? Trong kinh nói: "Đạo lý của nghiệp như quả cân bên nào nặng sẽ kéo nghiêng về bên đó". Vì sao có người trọn đời, hoặc trăm năm, hoặc 10 năm, hoặc một tháng không có ác nào không tạo, chỉ nhờ có 10 niệm liên tục, liền được vãng sanh, liền vào chánh định tụ, cứu kính không thối chuyển, cùng các khổ của ba đường ác cách xa vĩnh viễn. Nếu như thế cái nghĩa phía nặng kéo về làm sao có thể tin. Lại nữa, từ vô lượng kiếp đến nay, tạo đủ các pháp hữu lậu, bị ràng buộc vào ba cõi, vì sao không cắt đứt kiết hoặc của ba cõi, chỉ trong thời gian rất ngắn niệm Phật A Di Đà liền được ra khỏi ba cõi. Như thế nghĩa bị nghiệp trói buộc làm sao giải thích được? Đối trị với điều nghi này nên Phật dạy: Trí không thể nghĩ bàn.

Trí không thể nghĩ bàn là năng lực của Phật trí. Năng lực này có thể lấy ít làm nhiều, lấy nhiều làm ít, lấy gần làm xa, lấy xa làm gần, lấy nhẹ làm nặng lấy nặng làm nhẹ, lấy dài làm ngắn lấy ngắn làm dài. Phật trí như thế vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Ví như, có trăm người, suốt trăm năm đốn củi, chứa đống cao ngàn trượng, chỉ cần cho một mồi lửa, nửa ngày là cháy sạch. Đâu có thể nói rằng đống củi trăm năm mà đốt nửa ngày không cháy hết. Lại như có người què được lên thuyền gặp gió thuận buồm căng, một ngày vượt xa ngàn dặm, đâu có thể nói người què một ngày không đến nơi cách xa ngàn dặm ư! Lại như có một người nghèo hèn, nhặt được vật quý của nhà vua, nhà vua mừng tìm được lại vật cũ, liền thêm trọng thưởng, người ấy chỉ trong khoảnh khắc giàu sang đầy dẫy. Đâu có thể nói người muốn được vua ban phải mười năm đèn sách khó nhọc còn không đạt được, hưởng hồ người kia chỉ có chút việc mà có được giàu sang như thế được. Lại có người yêu đuối, gắng sức leo lên con lừa còn không nổi, được lên xe chuyên luân Thánh vương, liền bay trên hư không, bay lượn tự nhiên. Đâu có thể nói người yếu đuối sức leo lên con lừa còn không nổi kia không thể bay được trên hư không ư! Lại như có một sợi dây thừng trói mười dũng sĩ, không làm sao dùng sức thoát khỏi, chỉ cần một đứa trẻ con dùng thanh gươm bén chém một nhát là dây đứt làm hai đoạn. Đâu thể nói sức chú nhỏ không thể cắt được sợi dây thừng kia sao? Tất cả muôn pháp đều có tự lực và tha lực, tự nhiếp và tha nhiếp. Nghìn mở muôn đống vô lượng vô biên, đâu có thể đem chỗ hiểu biết có trở ngại của mình mà nghi pháp vô ngại của người kia. Lại nữa, trong năm thứ không thể nghĩ bàn, Phật pháp là pháp không thể nghĩ bàn hạng nhất. Chúng ta không thể cho làm ác trăm năm là nặng, lại nghi mười niệm niệm Phật là nhẹ không được vãng sanh về thế giới An lạc, vào chánh định tụ việc ấy hoàn toàn không đúng.

2-. Có nghi cho rằng trí Phật đối với người không được gọi là tuyệt đối. Vì sao? Phạm tất cả danh tự từ tướng đối đãi mà sanh, giác trí từ bất giác mà sanh, như người mê từ chỗ ghi phương hướng mà sanh. Giả sử nếu mê mà tuyệt không mê, thì mê hoàn toàn không hiểu được. Mê nếu hiểu được chắc chắn người mê phải

hiểu. Cũng có thể nói người hiểu mê, hiểu mê mê hiểu cũng như bàn tay lật sấp ngựa bèn nói sáng tối là khác cũng đâu được rõ ràng. Người phát khởi nghi này nên đối với trí huệ Phật sanh nghi không tin. Đối trị hạng người nghi này nên nói trí không thể xứng.

Nói trí không có đối xứng là nói Phật trí tuyệt không có trí nào có thể đối xứng, nó không có hình tướng, không đối đãi. Vì sao nói như thế? Pháp nếu thật có, chắc nên có trí hữu tri, Pháp nếu là không thì cũng nên có trí vô tri. Các pháp lia cả hữu vô, nên Phật nói các Pháp thì trí tuyệt tương đối đãi. Ông dẫn hiểu và mê để thí dụ vẫn còn là một thứ mê. Không thành hiểu và mê. Cũng như người trong mộng cùng giải mộng cho người khác, tuy nói giải mộng, chẳng phải là không mộng. Vì biết lấy Phật không nói biết Phật. Vì không biết lấy Phật nên chẳng phải biết Phật, vì chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết lấy Phật, cũng chẳng phải biết Phật. Vì chẳng phải chẳng phải biết, chẳng phải chẳng phải không biết lấy Phật, cũng chẳng phải biết Phật. Phật trí là lia 4 câu này, người duyên đó thì tâm hạnh diệt, người chỉ nói thì ngôn ngữ dứt. Vì nghĩa này nên trong Thích Luận nói: "Nếu người thấy Bát Nhã, thì liền bị trói buộc, nếu không thấy Bát Nhã, cũng liền bị trói buộc. Nếu người thấy Bát Nhã, coi đó là giải thoát, nếu không thấy Bát Nhã, cũng coi là giải thoát". Trong bài kệ này nói không lia tứ cú (có, không, chẳng phải có, chẳng phải không) bị trói buộc, lia tứ cú thì được giải thoát. Ông nghi trí Phật đối với người không phải tuyệt đối, điều đó không đúng.

3-. Nghi Phật không thể thật độ tất cả chúng sanh, vì sao? Vì trong quá khứ đã có vô lượng A Tăng Kỳ, hằng hà sa Chư Phật, hiện tại ở trong thế giới mười phương cũng có vô lượng vô biên A Tăng Kỳ hằng hà sa Chư Phật. Giả sử, nếu Phật có khả năng độ tất cả chúng sanh thì lẽ ra từ lâu rồi không có ba cõi. Vì Phật thứ hai thì không vì chúng sanh mà phát Bồ Đề Tâm, trang nghiêm Tịnh độ để tiếp độ chúng sanh mà thật có 2 Phật niếp thọ chúng sanh cho đến thật có Ba đời Chư Phật vô lượng trong 10 phương tiếp độ chúng sanh. Nên biết Phật thật không có khả năng độ tất cả chúng sanh. Người khởi ra nghi này, nên Phật A Di Đà làm cái tướng hữu lượng đối trị với nghi này gọi là Trí Đại thừa rộng lớn.

Trí Đại thừa rộng lớn là không có pháp nào mà không biết, không có thứ phiền não nào mà không dứt sạch, không có thiện nào chẳng đủ và không có chúng sanh nào mà không độ. Sở dĩ có Chư Phật ba đời trong mười phương có thể dùng năm nghĩa để giải thích. 1-. Giả sử nếu không có ông Phật thứ hai cho đến không có A Tăng Kỳ hằng hà sa Chư Phật, thì thật sẽ không độ tất cả chúng sanh. Vì Phật có khả năng độ tất cả chúng sanh, thì có Chư Phật vô lượng ở mười phương, vô lượng Chư Phật tức là từ trước Phật đã độ chúng sanh. 2-. Nếu Phật độ hết tất cả chúng sanh, thì sau đó sẽ không có Phật. Vì sao? Vì không có nghĩa giác tha thì

đâu được gọi là Phật, thì y nghĩa nào mà nói có 3 đời chư Phật. Y theo nghĩa giác tha nên nói từ Phật đến Phật đều độ tất cả chúng sanh. 3-. Đức Phật sau có khả năng độ sanh thì cũng là khả năng của Phật trước. Vì sao? Vì do Phật trước mà có Phật sau. Như nhà vua sắp băng hà hạ chiếu cho vị vua sau tiếp nối khả năng của vua trước. 4-. Năng lực của Phật tuy có thể độ tất cả chúng sanh, nhưng cần phải có nhân duyên, nếu chúng sanh ở Phật trước không có nhân duyên lại cần đến vị Phật sau. Như thế, chúng sanh vô duyên cần trải qua trăm ngàn Đức Phật, sự chẳng nghe chẳng thấy của họ không phải là năng lực của Phật kém. Như mặt nhật ánh sáng chiếu khắp bốn châu thiên hạ, phá hết các bóng tối nhưng người mù không thể thấy, chẳng phải là mặt nhật không đủ sáng. Sấm nổ vang tai mà người điếc không nghe, chẳng phải lỗi của tiếng sấm không đến tai. Biết được lý nhân duyên gọi là Phật, nếu nặng tình trái lý nhân duyên, chẳng phải là bậc chánh giác. Cho nên chúng sanh vô lượng, Phật cũng vô lượng. Đừng hỏi vì sao không độ hết chúng sanh có duyên, không duyên, lời ấy thật phi lý. 5-. Nếu chúng sanh được độ hết thì thế gian bị rơi vào hữu biên (một bên có) vì nghĩa ấy nên có vô lượng Phật độ tất cả chúng sanh.

Hỏi: Nếu chúng sanh không thể hết thế gian lại phải rơi vào vô biên (một bên không) vì vô biên nên Phật không thật độ chúng sanh có đúng không?

Đáp: Thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, cũng tuyệt bốn câu, Phật làm cho chúng sanh lia bốn câu này gọi là độ, kỳ thật chẳng phải độ, chẳng phải không độ, chẳng phải hết, chẳng phải không hết. Thí như người nằm mơ thấy qua sông gặp nạn nước xoáy, người ấy rất sợ sệt kêu thét thật lớn, người ngoài kêu tỉnh dậy, chừng ấy không còn lo sợ gì nữa! Chỉ là thấy qua sông trong mơ, thực sự không có qua sông gì cả.

Hỏi: Nói độ hay không độ đều rơi vào biên kiến (thấy một bên) vì sao nói độ tất cả chúng sanh là trí Đại thừa rộng lớn, không nói không độ chúng sanh là trí Đại thừa rộng lớn?

Đáp: Chúng sanh đều chán khổ tìm vui, sợ trói tìm giải thoát, nghe độ thì hướng về, nghe không độ thì không muốn đến, không độ là nói Phật chẳng có lòng đại từ bi nên không hướng về, nên mơ mộng suốt đêm dài, không làm sao dứt được. Vì hạng người này nên phân nhiều nói độ, không nói không độ. Lại nữa, Kinh Chư Pháp Vô Hành cũng nói: "Phật không được Đạo Phật, cũng không độ chúng sanh, phạm phu gắng phân biệt, làm Phật độ chúng sanh". Nói độ chúng sanh thuộc về đối trị tất đàn, nói không độ chúng sanh thuộc về đệ nhất nghĩa tất đàn. Hai lời nói này đều có chỗ xuất xứ nên không chống trái nhau.

Hỏi: Như mộng đã dứt đâu không phải là độ ư! Nếu tất cả chúng sanh giác mộng dài đều dứt thì thế gian đâu chẳng hết?

Đáp: Nói mộng là vì thế gian, nếu mộng hết là người không mộng. Nếu đã không mộng cũng không cần nói độ. Biết như thế thì thế gian tức là xuất thế gian, tuy độ vô lượng chúng sanh cũng không bị rơi vào điên đảo.

4-. Nghi Phật không được nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì nếu có thể biết khắp các pháp mà các pháp đều rơi vào hữu biên (một bên). Nếu không thể biết khắp tất cả thì không gọi là nhất thiết chủng trí. Đối trị với nghi này nên nói trí Vô đẳng, vô luân, tối thượng thắng.

Trí vô đẳng, vô luân, tối thượng là vì phạm phu trí hư vọng, trí Phật hoàn toàn như thật, một thật một vọng cách nhau rất xa, lý không đồng nhau nên gọi là vô đẳng. Thanh văn và Bích Chi Phật muốn biết được một cái gì phải nhập định mới biết, khi xuất định rồi thì không biết, lại việc biết đều có giới hạn. Đức Phật được Như thật tam muội, thường ở trong chánh định mà biết khắp tất cả, chiếu rõ muôn pháp hai và không hai, pháp sâu xa không có bờ mé nên gọi là vô luân. Bỏ tất từ bát địa sắp lên, tuy được báo sanh tam muội, diệu dụng không có xuất định nhập định, như tập khí vi tế vẫn còn huân tập, nên tam muội không được sáng suốt thanh tịnh hoàn toàn, cách trí Phật còn xa. Còn trí Phật hoàn toàn đầy đủ như pháp mà chiếu vô lượng pháp, tịch chiếu vô lượng, như cái rương lớn thì cái dù che cũng lớn nên nói là tối thượng. Ba câu trên theo thứ lớp mà thành. Vì Phật trí không có ai đồng bậc (vô đẳng), không có bờ mé (vô luân), rất cao xa (tối thượng). Vì tối thượng nên vô đẳng, vì vô đẳng nên vô luân. Chỉ cần nói vô đẳng là đủ. Như trí của Tu Đà Hoàn không đồng bậc (vô đẳng) với A La Hán. Vì từ sơ địa đến thập địa cũng thế, trí tuy chẳng đồng như cùng bờ mé và rất cao xa. Ông cho hiểu biết một bên là nạn mà cho Phật không có Nhất thiết chủng trí, việc ấy hoàn toàn không đúng.

Hỏi: Trong hạ bối nói mười niệm Phật tương tục liền được vãng sanh, thế nào gọi là mười niệm tương tục?

Đáp: Thí như có người bị quan binh bắt trồn về xứ, trên khoảng đất trông trở về quê, gặp quân binh oán tặc cầm gươm giáo rượt theo định giết, người ấy chạy nhanh đến bờ sông ranh giới, nếu qua được bờ bên kia sông là thoát nạn. Trong lúc ấy tâm tư dốc toàn lực tìm cách qua bờ kia sông, nghĩ nên mặc áo lội qua sông hay cởi áo lội qua sông, có cái gì có thể làm phao để qua, làm cách nào? Tâm tư chỉ dốc hết vào việc tìm cách qua sông không nghĩ gì đến việc khác. Chỉ có một niệm làm sao qua sông, tâm không còn nghĩ gì khác gọi là mười niệm tương tục. Hành

giả cũng vậy, niệm Phật A Di Đà như người kia niệm qua sông, trải qua 10 niệm. Người ấy hoặc niệm danh hiệu Phật, hoặc niệm tướng hảo Phật, hoặc niệm quang minh Phật, hoặc niệm thân lực Phật, hoặc niệm công đức Phật, hoặc niệm trí huệ Phật, hoặc niệm bốn nguyện Phật không có niệm nào khác xen vào, mỗi tâm tiếp tục cho đến mười niệm gọi là mười niệm tương tục.

Mới nghe qua mười niệm tương tục dường như không khó, nhưng hàng phàm phu tâm như ngựa hoang, thức giống vượn chuyền cây, rong rủi theo sáu trần, chưa bao giờ ngồi nghỉ, nên phải dự bị hệ niệm, niệm lâu thành tánh, thiện tâm kiên cố, thập niệm mới chắc thành công. Như Đức Phật bảo vua Tần Bà Ta La: "Người chứa nhiều công đức lành, chết không có niệm ác, như cây nghiêng về phía Tây, khi tróc gốc sẽ ngã về phía Tây." Người sắp lâm chung, khi gió đao thổi đến, trăm ngàn đau nhức cắt thân, nếu trước chưa có tập quán niệm Phật, lúc ấy làm sao niệm được. Vì thế, khi sắp lâm chung mời thiện tri thức, hoặc năm ba người đồng chí cùng nhau khuyến bảo niệm Phật A Di Đà nguyện vãng sanh về cõi An lạc. Cùng nhau hộ niệm mỗi tiếng tương tục, liền thành mười niệm, khi đã mãn phần liền sanh An Dưỡng. Một khi về được cõi kia liền vào chánh định tụ, ở vị bất thối còn phải lo gì.

Tịnh Độ Thi

Ta Bà Khổ

*Ta Bà thực khổ vô lường
Người khôn sợ hải lo phương cứu mình
Trăm năm sương gá đầu gành
Con đò sanh tử sẵn dành không lâu
Tóc xanh mới đỏ bạc đầu
Anh hùng chỉ nắm cỏ khâu xanh rì
Mịt mùng nào biết đường đi
Người Nam kẻ Bắc chia ly đoạn trường
Lạnh lòng thân nhận kêu sương
Chỉ còn quay gót tìm đường về Tây.
Ta bà thực khổ khôn kêu
Nghiệp nhân phiền não thường theo dết hoai
Dục như sói, sân hổ oai
Ma quân làm chủ, si đài hiện cao
Ngày qua tháng lại thay màu*

Đất trời tan hợp ai nào biết cho
Xương tàn dân biển thành tro,
Chỉ còn họa phước phải lo báo đền
Sáu đường lên xuống mông mênh
Phải cầu nhớ mãi cha lành A Di.

Ta bà cõi khổ thảm thương
Ngày lo đêm tính trăm đường khổ thân
Đất, nước, gió, lửa chia phân
Cuối cùng chỉ trả nợ trần mà thôi
Tâm bình bị bụi như rồi
Tiếng hay sắc đẹp mau phai tuổi hồng
Đời người ai được trăm năm
Sao không theo Phật thoát vòng trầm luân
Lời vàng khuyên bảo ân cần
Quê xưa lãng tử quay chân đến bờ.

Ta bà khổ lắm ai ơi!
Nào ai thoát khỏi luân hồi tai ương
Bạn bè sáu giặc tư vương
Vây quanh lôi kéo vào đường trầm luân
Sắc đẹp đắm, diệt nhanh thân
Phù du mộng ảo bao lần bể dâu
Người khôn tính trước lo sau
Đừng theo dục vọng, sang giàu buộc chân
Cửa trần chìm nổi phải rần
Trở về cực lạc từ dung hiện bày.

Ta bà vô lượng khổ thân
Bốn con rắn dữ quay quần cắn chân
Đường trần dong ruồi lãng xăng
Thăng trầm vinh nhục bao lần khổ đau
Vợ con, nhà cửa xô xao
Như chim ngủ tạm phút nào được yên
Cành rung gió cuốn liên miên
Cuối cùng theo mãi nghiệp duyên luân hồi
Lạc bang nào có xa xôi
Quay về nẻo giác muôn đời an vui.

Ta bà khổ cứ xoay vần

Người thường bị sắc, tham, sân não phiền
Lời ca giọng sáo triển miên
Trống rền, nhạc họa oan khiên hại đời
Gái non, rượu ám mê người
Xuân qua Thu lại nụ cười vỡ tan
Chân rung da hạc mắt làn
Lần vào cõi chết kêu than đờn nào
Thân toàn chuốc lấy thương đau
Đời là biển lệ ai nào biết cho.

Ta bà thực khổ lắm a!
Người đời cứ mãi trên đà say mê
Dâm tà phong tục đáng chê
Trói thân vào chốn u mê suốt đời
Diêm vương không có nụ cười
Tùy theo tội nghiệp thẳng tay đọa đày
Quý tốt không vì một ai
Nấu, cưa, đâm, chém theo ngay lệnh truyền
Thân nhân quyền thuộc oan khiên
Chỉ riêng mình gánh tai ương đời đời.

Ta bà đau xót khôn lường
Cao khoa, giàu có cũng phùng tay không
Công hầu, khanh tướng, ngai rồng
Vô thường, già chết, khó mong thoát nào
Thời gian thấm thoát qua mau
Như cá cạn nước chút nào vui đâu
Tóc xanh mới đó bạc màu
Cháu con, vàng ngọc gieo sầu lụy thêm
Hoàng hôn cánh đã buông rèm
Xuôi tay còn được đem theo những gì?

Ta bà thật lắm tư vương
Người luôn phải chịu tai ương khôn cùng
Ra vào đường hẻm lao lung
Sông dài biển rộng mịt mùng khổ lo
Lòng người lang sói khôn dò
Ham mê thừa đủ không màn tử sanh
Vốn thân cuối bãi đầu ghềnh,
Hoa trôi bèo dạt, số mình là đâu

*Trải bao gió thảm mưa sầu!
Còn chăng một nắm cỏ khâu xanh rì.*

*Ta bà khổ biết bao lần
Ở trong thời loạn người mong giết người
Anh em không có nụ cười
Đoạn tình ruột thịt để xây cơ đồ
Bao người chít chiếc khăn sô
Gió thu quét những năm mồ không tên
Mấy người lính được hồi hương
Chỉ nghe tiếng khóc đêm trường thâu canh
Biết bao xương trắng xây thành
Mong ngày tái ngộ chỉ dành kiếp sau.*

*Ta bà đau khổ nhiều ghê
Quân nhân ra trận trở về mấy ai
Ngày nay nào hẹn ngày mai
Ven bờ, rừng thẳm đọa đày tâm thân
Ra vào sanh tử bao lần
Không may một phút sa chân lao tù
Lần tên mũi đạn âm u
Sa tràng khói lửa mịt mù dọc ngang
Thương thay cốt trắng thành hàng
Hồn oan ở chốn sa tràng khổ chưa!*

Nhớ Tịnh Độ

*Ngày đêm thao thức nhớ mong về
Nghìn trùng lãng tử cách xa quê
Bèo mây gởi gắm niềm tâm sự
Cánh nhạn lạc đường dạ ủ ê.
Mây độ dòm song chờ nguyệt rụng
Một đời nương gởi thấy buồn ghê
Đất vàng đang đợi ta quay gót
Thế Chí, Quan Âm đứng cận kề.*

*Từng nghe Bạch hạc vốn tiên cầm
Ngày cứ vây quanh diễn pháp âm*

Ý muốn viết thư cho bạn hữu
Họ liền biết rõ ở chơn tâm.
Hằng mong cõi Tịnh mau mau đến
Tay đỡ Di Đà sớm giáng lâm.
Trăm tuổi chỉ là một tắt bóng
Ta bà đâu có bậc tri âm.

Đất lưu ly phủ bởi vàng ròng
Cửa các điểm tô những ngọc trong.
Văn tự không lời ghi hết được
Nhục thân chưa đến ý đà xong
Lời hay Không-tức luôn mồm kể
Lẽ đạo Tàn-già nói rất thông
Mơ ước đường về mau cất bước
Đêm dài vững bước cứ thong dong.

Cuộc sống ít người được bảy mươi
Ngắm lại mới hay việc đã rồi
Khóc bạn cùng sanh sao vội mắt
Lo mình Tịnh độ mãi đơn côi
Trần châu mã não rơi đầy đất
Chim ngọc, cây ngà phải liệu bồi
Pháp thân chứng được không còn nghiệp
Thênh thang nhàn nhã lạc bang chơi.

Chớ đem thai ngọc sánh Liên Trì
Mỗi niệm Tây phương phải gắng ghi
Bước đến đài sen thành Phật tử
Lo gì Từ Phụ chẳng đưa đi
Miệng nhờ Pháp nhủ ngàn ngon ngọt
Tâm được minh môn vạn tổng trì
Trước đài Bát nhã khôn quay gót
Phật quả không còn chút ngại nghi.

Sở Thạch Thiên Sư

An Lạc Tịnh Độ Nghĩa